

PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 453 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Giao tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	Tăng/ Giảm	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)	(4)
	Tổng số	2.887	2.887		
I	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.785	2.887	1.102	
I.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	1.785	2.887	1.102	
1	Ban Dân tộc	1.785	2.887	1.102	
II	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.102		-1.102	
II.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.102		-1.102	
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	441		-441	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	661		-661	

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 453 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	Tăng/ Giảm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				
			Giao tại tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (1)	(6)
	Tổng số	46.421	16.284	30.137	46.421		
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	21.565		21.565	25.976	4.411	
1	Huyện Tu Mơ Rông	21.565		21.565	25.976	4.411	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	8.572		8.572	372	-8.200	
II.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.572		8.572	372	-8.200	
1	Huyện Tu Mơ Rông	8.572		8.572	372	-8.200	
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	11.633	11.633		12.236	603	
III.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	11.633	11.633		12.236	603	
1	Huyện Tu Mơ Rông	11.633	11.633		12.236	603	

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	Tăng/ Giảm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				
			Giao tại tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (1)	(6)
IV	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	2.506	2.506		3.285	779	
IV.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	2.506	2.506		3.285	779	
1	Ban Dân tộc	2.506	2.506		3.285	779	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.145	2.145		4.552	2.407	
V.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.145	2.145		4.552	2.407	
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	779	779			-779	
2	Huyện Tu Mơ Rông	1.366	1.366		4.552	3.186	